

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá, Gói mua sắm: Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm dịch vụ nước, bảo quản thiết bị và phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng đang có nhu cầu Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm dịch vụ nước, bảo quản thiết bị và phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017;

Để có cơ sở thực hiện đấu thầu mua sắm, kính mời Quý công ty có đủ năng lực kinh nghiệm và có khả năng cung ứng chào giá các mặt hàng (*theo phụ lục danh mục hàng hóa chi tiết đính kèm*):

Ghi chú:

- Quý công ty vui lòng điền đầy đủ thông tin như mẫu trên, ghi rõ ngày tháng chào giá, thời gian có hiệu lực của báo giá (kể từ ngày chào giá). Đơn giá hàng hóa bằng tiền đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

- Bì thư phải được niêm phong, đóng dấu, bên ngoài ghi rõ **“Bảng chào giá Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm dịch vụ nước, bảo quản thiết bị và phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017”** gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 118 Lê Đình Lý, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

(Liên hệ Văn thư số điện thoại: 0236 3890408) hoặc qua email: kiemsoatbenhtat@danang.gov.vn

- Công ty gửi kèm theo Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO); Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) và Giấy phép lưu hành tại Việt Nam.

- Hạn chót nhận báo giá: 14h00 ngày 29/04/2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- KHNVT (để đăng trên website CDC);
- TC-KT, XN- CDHA- TDCN (tham gia xét chọn giá)
- Lưu: VT, DVTTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Vĩnh

Phụ lục

(Đính kèm thông báo chào giá số /TB-TTKSBT ngày tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng)

S T T	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Ống chuẩn Trilon B			Nồng độ Trilon B 0,1N	ống	2		
2	Ống chuẩn NaCl			Nồng độ NaCl 0,1N	ống	1		
3	Sodium azide (NaN ₃)			Hàm lượng natri nitrua ≥98%	gam	100		
4	Sodium salicylat			Hàm lượng Sodium salicylat ≥99,5 %	gam	250		
5	Sodium cacbonat Na ₂ CO ₃			Không chứa các tạp chất như kim loại nặng, clo, sulphat, nitrat, amoni, photphat và các ion khác	gam	500		
6	Sodium hydrogen carbonate NaHCO ₃			Hàm lượng NaHCO ₃ 98,5%	gam	500		
7	Sulfuric axit H ₂ SO ₄ for analysis emsure			Hàm lượng Sulfuric axit 98%	mL	1000		
8	Sodium borohydride			Hàm lượng Sodium borohydride ≥ 98%	gam	100		

S T T	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
9	Ống chuẩn KMnO ₄			Nồng độ KMnO ₄ 0,1N	Ống	2		
10	Dung dịch chuẩn 1: Calibration mix 1 for AA and ICPOES- 4 components			Calibration mix 1 for AA and ICPOES-4 components; 100mg/l each of Mo;Sb;Sn;Ti in HNO ₃ 2%; HF 0,5%,	mL	100		
11	Dung dịch chuẩn 2: Calibration mix 2 for AA and ICPOES-18 components			Calibration mix 2 for AA and ICPOES-18 components; 100mg/l each of Ag;Al;As;Ba;Be;Cd ;Co;Cr;Cu;Mn;Ni;P b;Se;	mL	100		
12	Dung dịch nội chuẩn: ICP internal standard-6 components			internal standard-6 components; 100mg/l each of Bi;In;6Li;Sc;Tb;Y in HNO ₃ 5%,	mL	100		
13	Dung dịch chuẩn Tuning: Tuning Solution for ICP/MS-9			Tuning Solution for ICP/MS-9 components; 10mg/l each of Ba;Be;Ce;Co;In;Mg ;Pb;Th;Tl in HNO ₃	mL	100		

S T T	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	components			2%,				
14	Acid Nitric 65% (HNO ₃),			Hàm lượng HNO ₃ 65%	mL	1000		
15	Hydrochloric acid, 37%, for analysis			Hàm lượng Hydrochloric acid 37%, for analysis, d=1.18	mL	1500		
16	Chlorite IC Standardanal ytical standard			Standard for IC Trace CERT, 1000mg/L Chlorite in water	mL	100		
17	Potassium hexachloropla tinate(IV)			Hàm lượng Platinum (Pt)≥ 39%	gam	2		
18	Cobalt(II) chloride hexahydrate			Hàm lượng Cobalt(II) chloride hexahydrate ≥ 98 %	gam	5		
19	Methanol for HPLC			Hàm lượng Methanol 99,9%	mL	4000		
20	Axit Acetic			Hàm lượng axit acetic 65%	mL	3000		
21	Ammonia acetate			Hàm lượng Ammonia acetate ≥ 99 %	gam	1000		
22	XLD (Xylose- Lysin- Desoxychol at e)			Yeast extract: 3 g; NaCl: 5 g; D(+) Xylose: 3,75 g; Lactose:7,5 g; Sucrose:7,5 g; L(+)	gam	500		

S T T	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Lysine; 5 g Sodium deoxycholate:1 g; Sodium thiosulfate:6,8 g; Ammonium iron (III) citrat:0,8 g Phenol red:0,08 g; Thạch :14,5 g				
23	R2A Agar			Yeast extract:0,5 g; Proteose peptone:0,5 g; Acid hydrolysate of casein:0,5 g; Glucose:0,5 g Starch:0,5 g; Dipotassium phosphate:0,3 g; Magnesium sulfate, anhydrous:0,024 g Sodium pyruvate:0,3 g Bacteriological agar:15,0 g pH 250C: 7.2 ± 0.2	gam	500		
24	Chỉ thị sinh học Mini- Bio-Plus SCBIs			Theo dõi định kì hiệu quả của việc tiệt khuẩn; mỗi chất chỉ thị sinh học chứa một quần thể bào tử Geobacillus Stearothermophilus, một loại bào tử vi khuẩn an toàn với con người và có thể kháng nhiệt độ cao và bị diệt bởi hiệu quả tiệt khuẩn hơi nước	ống	10		
25	Egg yort emusion			Thạch trứng bổ sung vào môi trường chọn lọc để phát hiện và đếm B.cereus	mL	300		

S T T	Tên hàng hoá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
26	Thạch máu BA90			0.5% Peptone; 0.3% beef extract/yeast extract 1.5% agar; 0.5% NaCl; Nước cất 5% Sheep Blood; pH should be from 7.2 to 7.6 (7.4)	Đĩa	10		
Tổng cộng								

Ghi chú: Các mặt hàng từ STT1-24: Yêu cầu tối thiểu 80% mặt hàng có hạn sử dụng ít nhất 2/3 thời hạn sử dụng theo công bố của nhà sản xuất kể từ ngày nhận hàng

Bằng chữ:đồng

Giá trên bao gồm các loại thuế và chi phí giao hàng tại Trung tâm.